

GẮN BÓ MẬT THIẾT VỚI NHÂN DÂN BÀI HỌC XUYỀN SUỐT CỦA ĐẢNG TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS, TS TRẦN TRỌNG THƠ

Phó Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

4-1-2026

Ngày thẩm định, đánh giá:

10-1-2026

Ngày duyệt đăng:

9-2-2026

Tóm tắt: Quá trình ra đời, xây dựng, trưởng thành và lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay, Đảng không ngừng xây đắp nên truyền thống vẻ vang, sáng tạo nên những giá trị cao đẹp, mà nổi bật là tạo dựng mối quan hệ gắn bó bền vững với nhân dân. Sức mạnh to lớn của cách mạng Việt Nam chính là sức mạnh của lòng dân, sức dân được quy tụ, được Đảng chăm lo, lãnh đạo. Cũng từ đó, hình thành một mối quan hệ hữu cơ bền chặt: Quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với Đảng. Quan hệ đó được kiểm nghiệm trong thực tiễn như một quy luật thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt 96 năm qua và tiếp tục được phát huy trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa:

Quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân; Đảng Cộng sản Việt Nam; thành công; bài học

1. Gắn bó mật thiết với nhân dân là một tư tưởng lớn, quan điểm chỉ đạo xuyên suốt, một nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng

Thấm nhuần sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng là sự nghiệp của của quần chúng, kế thừa và phát triển những kinh nghiệm về huy động sức dân trong lịch sử dân tộc, từ thực tiễn tập hợp lực lượng của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược, ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng mối quan hệ với nhân dân, coi đó là một nhân tố cốt lõi bảo đảm thành công sứ mệnh lãnh đạo

sự nghiệp đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước theo định hướng XHCN.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Hội nghị thành lập Đảng thông qua xác định một nhiệm vụ cấp bách, đồng thời là một tầm nhìn chiến lược lâu dài: Đảng phải “thu phục” giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đồng thời “hết sức liên lạc” với các giai cấp, tầng lớp nhân dân khác, như tiểu tư sản, trí thức, trung nông..., chỉ “đánh đổ” những “bộ phận ra mặt phản c.m”¹, những tổ chức, những phần tử quay lưng với cộng đồng dân tộc, câu kết với đế quốc chống lại sự nghiệp đấu tranh giải phóng. Với những luận điểm đó, Đảng ra



Nông dân xã Ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương báo cáo kết quả tăng gia sản xuất hoa màu của địa phương với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 31-5-1957 (Ảnh: TTXVN)

đời cũng là sự khởi đầu một mối quan hệ chính trị mới xuất hiện và đóng vai trò chi phối trong dòng chảy của xã hội Việt Nam: mối quan hệ hữu cơ giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với Đảng.

Nhất quán dòng mạch tư duy và quan điểm chỉ đạo chiến lược đó, trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, các cương lĩnh chính trị của Đảng luôn đặt nhân dân ở vị trí trung tâm trong toàn bộ hoạt động và mục tiêu phấn đấu; luôn nhất quán một thông điệp chính trị về thắt chặt mối quan hệ bền vững với nhân dân.

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 10-1930 thông qua chỉ rõ: quan hệ mật thiết với nhân dân là một nhân tố mang tính quyết định bảo đảm vai trò, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đồng thời, là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Luận cương viết: “Điều

kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải đấu tranh mà trưởng thành”².

Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam do Đại hội II (1951) của Đảng thông qua, xác định động lực của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên CNXH là nhân dân, bao gồm các giai cấp, tầng lớp trong cộng đồng dân tộc có chung nguyện vọng và mục tiêu đưa cuộc kháng chiến - kiến quốc đi đến thắng lợi, hợp tụ trong mối quan hệ hữu cơ với vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Chính cương viết: “Động lực của cách mạng Việt Nam lúc này là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí

thức. Người lãnh đạo là giai cấp công nhân”, “Đảng phải tập hợp mọi lực lượng dân tộc”³. Những diễn đạt trên đây của Chính cương hàm chứa một nội dung cốt lõi, khẳng định mối quan hệ bền chặt giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với Đảng.

Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII (1991) của Đảng thông qua đã đúc kết một bài học lớn từ “thực tiễn cách mạng với những thành công, và khuyết điểm, sai lầm”⁴, cũng là quan điểm chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp đổi mới: “*sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân...* Trong toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước”⁵.

Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được thông qua tại Đại hội XI của Đảng tiếp tục nhấn mạnh và bổ sung bài học thắng lợi đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là thực tiễn 25 năm tiến hành đổi mới kiểm nghiệm: “*sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*”. Cương lĩnh khẳng định: “Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”⁶.

Thực hiện các cương lĩnh của Đảng, những chủ trương, quan điểm chỉ đạo, định hướng chính trị mang tầm chiến lược, đặc biệt là những nghị quyết của 14 kỳ đại hội Đảng, từ Đại hội lần thứ nhất (1935) đến Đại hội XIV (2026) của Đảng, đều nhất quán tư tưởng chỉ đạo gắn bó mật thiết với nhân dân. Nghị quyết chính trị của Đại biểu Đại hội lần

thứ nhất của Đảng khẳng định: “Đảng mạnh là căn cứ vào ảnh hưởng và thế lực của Đảng trong quần chúng. Nếu Đảng không mật thiết liên lạc với quần chúng, không được họ tán thành và ủng hộ những khẩu hiệu của Đảng thì những nghị quyết cách mạng của Đảng chỉ là lời nói không. Đảng muốn chỉ huy nổi phong trào cách mạng... thì trước hết cần phải thấu phục quảng đại quần chúng. Thấu phục quảng đại quần chúng là một nhiệm vụ trung tâm, căn bản, cần kíp của Đảng”⁷. Đại hội VI (1986) của Đảng mở đầu sự nghiệp đổi mới đã nhấn mạnh “Bài học lớn” từ thực tế lịch sử, nhưng mang một tầm nhìn thời đại: “trong điều kiện đảng cầm quyền, phải đặc biệt chăm lo củng cố sự liên hệ giữa Đảng và nhân dân, tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu”⁸. Đại hội XIV (2026) của Đảng nhấn mạnh bài học đồng thời là quan điểm lãnh đạo của Đảng trong kỷ nguyên mới: “quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm “Dân là gốc”. Phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân. Tăng cường củng cố và phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp và hạnh phúc của Nhân dân; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá cán bộ”⁹.

Gắn bó mật thiết với nhân dân không chỉ là một tư tưởng chiến lược trong lãnh đạo cách mạng của Đảng mà ngay từ đầu đã được xác định là vấn đề có tính nguyên tắc chi phối công tác tổ chức và hoạt động của Đảng. *Điều lệ văn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* được thông qua tại Hội nghị thành

lập Đảng (đầu năm 1930) đã xác lập một tư duy chính trị mới trong tôn chỉ của Đảng, hàm chứa tinh thần về quan hệ hữu cơ giữa Đảng với nhân dân: “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp đấu tranh”¹⁰. *Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương* do Đại hội lần thứ nhất của Đảng thông qua, ghi rõ: Đảng Cộng sản Đông Dương “lấy sự phát triển trong quần chúng làm trung tâm... bảo chứng quyền lãnh đạo của Đảng trong các cuộc vận động của quần chúng”¹¹. Sau khi trở thành Đảng cầm quyền, mối quan hệ với nhân dân được bổ sung những nội hàm mới phù hợp với sứ mệnh và vị thế mới của Đảng. *Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam* được thông qua tại Đại hội II (1951) ghi rõ mục đích và tôn chỉ của Đảng là: “Đảng Lao động Việt Nam lấy việc phục vụ quần chúng nhân dân làm đường lối hoạt động của Đảng... mỗi đảng viên phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân, hiểu rõ nguyện vọng nhu cầu của quần chúng nhân dân để kịp thời giải quyết một cách thích đáng. Đảng phải chống bệnh cô độc, mệnh lệnh, quan liêu, cũng như bệnh theo đuôi quần chúng”¹². Kế thừa và phát triển những qui định trên, *Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam* do Đại hội III (1960) của Đảng thông qua, xác định: “Đảng Lao động Việt Nam đi đường lối quần chúng trong mọi hoạt động”, “Đảng và mỗi đảng viên phải quan tâm đến đời sống của quần chúng, phải học hỏi quần chúng, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, hòa mình với quần chúng, tin và dựa vào quần chúng, không thể cô độc, tách rời khỏi quần chúng”¹³. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam* do Đại hội IV (1976) của Đảng thông qua kế thừa và phát triển mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, ghi rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam liên hệ chặt chẽ với quần chúng”, “Đường lối, chính sách của Đảng phải thể hiện ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đảng và mỗi đảng viên phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, chăm lo đời sống của nhân dân, đi sâu, đi sát

quần chúng, tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng... Đảng kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chuyên quyền, độc đoán, xa rời thực tế, xa rời quần chúng”¹⁴.

Tiến hành sự nghiệp đổi mới, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân càng được khẳng định và đề cao trong toàn bộ hoạt động của Đảng. Đại hội VI (1986) của Đảng tiếp tục bổ sung *Điều lệ Đảng* đã được Đại hội IV của Đảng thông qua; trong đó, nội hàm về “mối quan hệ chặt chẽ với quần chúng” được thể hiện sâu sắc hơn với việc “phát huy mọi khả năng sáng tạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động”¹⁵. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam* do Đại hội VII (1991) của Đảng thông qua, tính hai chiều trong mối quan hệ biện chứng giữa Đảng và nhân dân ngày càng rõ nét: “Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ và chịu sự giám sát của nhân dân, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng”¹⁶.

Đặc biệt, *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam* (bổ sung, sửa đổi) được thông qua tại Đại hội X (2006) của Đảng, lần đầu tiên đã đưa nội dung “giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân” là một trong năm “nguyên tắc” tổ chức và hoạt động của Đảng¹⁷. Đây là một sự phát triển mang tính bước ngoặt trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn về công tác xây dựng Đảng. *Điều lệ Đảng* (đã được bổ sung, sửa đổi) do Đại hội XI (2011) của Đảng thông qua, tiếp tục khẳng định nguyên tắc đó: “Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và *Điều lệ Đảng*, gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”¹⁸.

Có thể thấy, Cương lĩnh chính trị, đường lối, *Điều lệ* của Đảng đã thể hiện nhất quán tư tưởng

lớn: “dân là gốc”; kiên định quan điểm chỉ đạo chiến lược xuyên suốt: Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của mọi quyết sách, không ngừng chăm lo mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân vừa là sứ mệnh lãnh đạo cao cả, đồng thời là một nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

2. Tính bền chặt, sức mạnh to lớn của mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân bắt nguồn từ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, phương thức tập hợp quần chúng của Đảng

Tính bền chặt của mối quan hệ mang tính sống còn giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với Đảng bắt nguồn và có động lực chính từ vai trò lãnh đạo, tập trung ở đường lối của Đảng được xây dựng và thực hiện, mà nội hàm luôn chứa đựng hai mục tiêu, cũng là hai giá trị cốt lõi là: Ích nước - Lợi dân. Sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp, trong đó, lợi ích giai cấp hòa quyện và phục tùng lợi ích dân tộc là một nội dung cốt lõi trong đường lối chính trị của Đảng, đóng vai trò quyết định về tính khăng khít và bền vững của mối quan hệ Đảng với nhân dân, là động lực thúc đẩy nhân dân tin tưởng, tham gia phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, luôn gắn bó với Đảng, bảo vệ Đảng.

Đó là đường lối đấu tranh giành độc lập dân tộc để nhân dân thoát khỏi gông cùm nô lệ, được sống cuộc sống của người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đó là đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đưa đến thắng lợi của 30 năm chiến tranh giải phóng, quét sạch họa ngoại xâm, thu giang sơn về một mối, gắn kết đồng bào ruột thịt hai miền Nam- Bắc, nhân dân được sống trong một đất nước thống nhất, hòa bình. Đó là đường lối đổi mới đưa nhân dân hướng tới những giá trị cao cả của CNXH, hướng tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là những quyết sách đưa đến những

cải biến mang tính chất cách mạng trong tư duy phát triển, trong xây dựng hệ thống chính trị, đơn vị hành chính vừa tạo thuận lợi trong quản trị quốc gia, vừa tạo không gian và động lực phát triển mới... hướng tới mục tiêu chiến lược mà Đại hội XIV của Đảng thông qua: “Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”¹⁹.

Không chỉ chăm lo lợi ích căn bản, lâu dài, Đảng còn chăm lo những lợi ích thiết thân trước mắt của nhân dân. Trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập, không chỉ hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc, không chỉ khơi gọi, động viên lòng yêu nước mà Đảng còn thể hiện một tinh thần trách nhiệm trước cuộc sống, sinh mệnh của nhân dân trước nguy cơ tàn lụi do thực dân, phát xít gây ra. Trong 30 năm kháng chiến, không chỉ động viên tinh thần và nguyện vọng thống nhất đất nước, Đảng còn thực hiện giảm tô, giảm tức, phân chia ruộng đất cho dân cày ngay trong kháng chiến chống thực dân Pháp, cũng như sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc, đưa khát vọng ngàn đời về ruộng đất của người nông dân trở thành hiện thực. Trong công cuộc đổi mới, trên hành trình hướng đến mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, Đảng và Nhà nước chăm lo, bảo đảm những nhu cầu thiết yếu đối với đời sống nhân dân, huy động mọi nguồn lực xã hội để giảm thiểu đến mức tối đa những khó khăn mà người dân phải gánh chịu trước thiên tai, dịch bệnh và những bất lợi nảy sinh từ đời sống kinh tế - xã hội, cũng như

từ những biến động phức tạp, nhanh chóng của tình hình khu vực và thế giới.

Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân được thiết lập, phát triển từ thực tiễn Đảng vận động, tập hợp, tổ chức, phát huy vai trò của nhân dân thông qua Mặt trận Dân tộc thống nhất và các đoàn thể quần chúng; thông qua công tác xây dựng, không ngừng hoàn thiện Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn quan tâm, chăm lo xây dựng, phát triển Mặt trận Dân tộc thống nhất cả về định hướng hoạt động, nền tảng pháp lý, tổ chức bộ máy, cán bộ và cơ sở vật chất... Trong công cuộc đổi mới, Đảng tăng cường lãnh đạo Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới phương thức và nội dung hoạt động, hướng về cơ sở để vận động, tập hợp, quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ nhân dân. Với những phương thức tổ chức, hình thức, tên gọi và nội dung hoạt động phù hợp, đáp ứng yêu cầu của mỗi thời kỳ cách mạng, từ Hội Phản đế đồng minh (11-1930) đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay, Mặt trận Dân tộc thống nhất đã phát huy quyền làm chủ, trí thông minh, sáng tạo, sức đóng góp tinh thần và vật chất của nhân dân cho cách mạng, cho đất nước; đồng thời, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân. Thực tiễn lịch sử cho thấy, mối quan hệ giữa tổ chức đảng - Mặt trận và tổ chức quần chúng là thể hiện đặc trưng, nổi bật nhất mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với Đảng.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong định hướng, định hình, xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đến nay, Nhà nước đã ban hành 5 bản Hiến pháp: *Hiến pháp năm 1946; Hiến pháp năm 1959; Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992* (có sửa đổi năm 2001); Hiến pháp hiện hành là *Hiến pháp năm 2013*, đều ghi rõ một nguyên tắc: *tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*. Nguyên tắc

hiến định “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” (Điều 2, Hiến pháp 2013) là trục trung tâm, sợi chỉ đỏ xuyên suốt các Hiến pháp chính là thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng. Lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn nhấn mạnh yêu cầu xây dựng một nền hành chính phục vụ nhân dân; xây dựng chế độ công vụ hướng tới tạo thuận lợi nhất cho nhân dân. Các cải cách được triển khai theo hướng tăng cường dân chủ, công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình của bộ máy công quyền. Nhiều chủ trương lớn đã được ban hành, như cải cách hành chính giai đoạn 1991-2000, Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 và 2011-2020, nhằm tinh gọn tổ chức, cải tiến thủ tục, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo. Việc ứng dụng công nghệ số và xây dựng Chính phủ điện tử - Chính phủ số giúp người dân tiếp cận dịch vụ công thuận lợi hơn, giảm tình trạng quan liêu và những phiền nhiễu. Nhìn tổng thể, tiến trình này đã góp phần hình thành một nền hành chính hướng tới hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, đặt lợi ích của nhân dân làm trọng tâm trong mọi quyết sách. Đặc biệt, từ tháng 10-2024, chủ trương và hành động quyết liệt về tinh gọn bộ máy hành chính Nhà nước, tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình mới đồng thời với việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện; tổ chức lại hệ thống quân đội và công an ở địa phương, các cơ quan tư pháp, các cơ quan, đơn vị quản lý theo ngành dọc, sắp xếp các tổ chức đảng ở địa phương đồng bộ với các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị theo mô hình tổ chức đơn vị hành chính 2 cấp không chỉ đơn thuần là tạo thuận lợi cho quản trị đất nước, mở rộng không gian, liên kết tiềm năng phát triển mà còn hướng tới chính quyền gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn²⁰.

Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân gắn bó khăng khít từ năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp bộ Đảng, đặc biệt, là từ uy tín to lớn, tuyệt đối của Đảng trong nhân dân, được tạo lập từ chính sự cống hiến, hy sinh của các thế hệ cán bộ, đảng viên. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng luôn giáo dục cán bộ, đảng viên, đấu tranh chống và khắc phục kịp thời mọi biểu hiện quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân. Năng lực, phẩm chất đạo đức, uy tín của cán bộ đảng viên có mối quan hệ chặt chẽ với uy tín của Đảng. Chính vì thế mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng được củng cố từ niềm tin tưởng tuyệt đối vào vai trò lãnh đạo, từ tinh thần trách nhiệm cao cả của Đảng trước dân tộc và nhân dân, từ những thắng lợi, những thành quả của sự nghiệp cách mạng mà nhân dân được hưởng dụng, đồng thời, từ sự cảm phục của nhân dân đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đối với những tấm gương kiên trung, bất khuất của những chiến sĩ cộng sản, đặc biệt của những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng, những chiến sĩ cộng sản như Tổng Bí thư Trần Phú, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, Tổng Bí thư Hà Huy Tập, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ... cùng nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên của Đảng đã dấn thân, hy sinh vì đất nước, vì nhân dân.

3. Nhân dân tham gia xây dựng Đảng là kết quả tất yếu của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân

Ngay từ khi ra đời, một trong những nhân tố tạo nên sức mạnh vượt trội của Đảng so với nhiều lực lượng chính trị, yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là *tính tổ chức chặt chẽ, tính kỷ luật cao độ, tính hệ thống và tính liên kết sâu rộng của Đảng với các tầng lớp nhân dân*. Tính ưu trội đó vừa là nguyên nhân, đồng thời, là hệ quả của mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với Đảng, Đảng phát huy vai trò của nhân dân để xây dựng và trưởng thành.

Dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng đã sớm được Đảng xác lập về mặt lý luận và là một phương châm hành động, thực hành thường xuyên, liên tục của Đảng trong thực tiễn. Điều mấu chốt là các cấp ủy, tổ chức đảng, các thế hệ cán bộ, đảng viên, từ Trung ương đến cơ sở đã luôn thấm nhuần và thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh: xây dựng Đảng “không những là công việc của Đảng và của đảng viên mà cũng là của toàn dân ta... phải dựa vào nhân dân mà xây dựng Đảng”²¹. Tinh thần đó, được khẳng định ngay từ Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất của Đảng: “Mỗi đảng bộ thương cấp phải chỉ đạo các đảng bộ hạ cấp trực thuộc thực hiện cuộc vận động tự chỉ trích. Tốt nhất là kéo quảng đại quần chúng tham gia vận động tự chỉ trích”²².

Trong lãnh đạo phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng, các thế hệ đảng viên kế tiếp nhau đã tin tưởng nhân dân, tôn trọng và tiếp thu các ý kiến đóng góp, xây dựng của nhân dân, tạo mọi điều kiện để nhân dân đóng góp xây dựng Đảng. Ngay từ rất sớm, Đảng đã chủ trương xây dựng, củng cố các đoàn thể nhân dân, coi đó là nhiệm vụ thuộc phạm vi công việc tổ chức của Đảng, “phải chú ý, lưu tâm như việc tổ chức của Đảng vậy”²³. Mỗi một cấp bộ Đảng được tổ chức đều gắn liền với một cấp tổ chức quần chúng tương ứng. Qua các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị - xã hội..., nhân dân đã đóng góp ý kiến xây dựng với Đảng trên các lĩnh vực chủ trương, chính sách, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn, trong xây dựng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cũng qua các đoàn thể quần chúng, Đảng huy động nhân dân bảo vệ Đảng, đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Sức mệnh phụng sự dân tộc, phục vụ nhân dân, sự hy sinh của các thế hệ cán bộ, đảng viên đã thắt chặt tình cảm, tạo lòng tin chính trị tuyệt đối của nhân dân với Đảng. Đó chính là cội nguồn của sự gắn kết keo sơn của nhân dân với Đảng.

Trong các thời kỳ đấu tranh cách mạng, nhân dân luôn bảo vệ, chở che, đùm bọc cán bộ, đảng viên, nhờ đó, trong những lúc gian khó, hiểm nguy nhất, Đảng vẫn trụ vững và vươn lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử. Sự bùng lan của phong trào đấu tranh 1930-1931 chính là kết quả của nhân dân được giác ngộ, được Đảng tổ chức, động viên, cũng là thể hiện ngay từ đầu, nhân dân đã tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng, tự nguyện tham gia phong trào đấu tranh do Đảng lãnh đạo. Sau phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh, có một thời gian dài tổ chức Đảng bị chính quyền thực dân đánh phá, tổn thất, phần lớn cán bộ đảng viên bị bắt, tù đày. Những chiến sĩ còn lại đã dựa vào dân, sống và hoạt động, phục hồi hệ thống tổ chức Đảng và phong trào cách mạng. Trong những năm đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ (1936-1939), các cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên đã dựa vào phong trào quần chúng để phát triển đảng, khuếch trương thanh thế và ảnh hưởng của Đảng. Trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc (1939-1945), nhân dân đã che chở, bảo vệ cán bộ, đảng viên trước sự khủng bố của chính quyền thuộc địa, khi thực dân Pháp câu kết với quân phiệt Nhật phát xít hóa bộ máy cai trị, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản. Trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, nhân dân cả nước vùng lên dưới sự hiệu triệu của Đảng và Mặt trận Việt Minh, là minh chứng sinh động cho sức dân được giác ngộ và tổ chức, cho lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Những năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng bào các dân tộc Việt Bắc đã che chở, bảo vệ các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân đội,... để từ đây, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến trên toàn quốc. Đồng bào miền xuôi là “rừng người”, “biển người”, là “căn cứ địa lòng dân” để các tổ chức Đảng bám trụ, hoạt động, lãnh đạo thế trận chiến tranh nhân dân ngay trong vùng địch hậu. Những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành chiến dịch “tổ

cộng, diệt cộng” tàn bạo; cán bộ, đảng viên bám trụ ở miền Nam đã dựa vào dân để tồn tại và hoạt động. *Đảng không xa dân, dân không rời xa Đảng*. Đó chính là nguyên nhân sâu xa cũng là nguồn sức mạnh vững bền mà nhân dân vùng lên, phá áp chiến lược; đào hầm nuôi giấu, bảo vệ cán bộ, bộ đội, chặn họng súng kẻ thù, ngăn xe tăng địch..., là những biểu hiện của lòng tin yêu tuyệt đối của nhân dân với Đảng trong thời kỳ gian khó của cách mạng.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến hành công cuộc đổi mới, nhân dân chính là lực lượng quan trọng nhất để thực hiện những mục tiêu đổi mới. Nhân dân thông qua các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị - xã hội..., đã đóng góp ý kiến cho Đảng trên các lĩnh vực: xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, phương thức lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn... Thông qua mối quan hệ bền chặt với nhân dân, Đảng giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng như Nghị quyết Đại hội VIII (1996) của Đảng chủ trương: giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, mà nội hàm có một nhiệm vụ: “Củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân”²⁴. Thắt chặt mối quan hệ với nhân dân còn là một giải pháp cơ bản, hiệu quả trong công tác chỉ đạo xây dựng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên. Qua các đoàn thể nhân dân, Đảng phát hiện, rèn luyện, bồi dưỡng những quần chúng ưu tú, kết nạp vào Đảng, làm cho lực lượng của Đảng luôn được bảo đảm và tăng cường. Nhân dân bảo vệ Đảng thông qua việc tham gia phát hiện, ngăn chặn sự phai nhạt lý tưởng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đấu tranh chống sự tha hóa về tư tưởng, đạo đức, lối sống, tham nhũng, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên..., đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng... Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công

cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm, Đại hội XIV của Đảng khẳng định một thực tiễn sinh động, đồng thời là một bài học quý báu về xây dựng Đảng: “Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng”²⁵.

Thành công cơ bản, to lớn của Đảng trong 96 năm qua là việc xây dựng và thắt chặt mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân. Đó là quan hệ hai chiều, mang tính chủ động - tự nguyện từ hai phía, được tạo lập thông qua những nỗ lực chủ quan, đồng thời là một tất yếu khách quan, biểu hiện bằng sự gặp gỡ và gắn kết bền chặt giữa lý tưởng của Đảng và nhu cầu, khát vọng của nhân dân; sự thống nhất cao độ lợi ích của Đảng và lợi ích của nhân dân. Trong đó, Đảng đóng vai trò quyết định, chủ động và trách nhiệm to lớn. Trí tuệ và vai trò lãnh đạo của Đảng, sức sáng tạo và lực lượng to lớn của nhân dân đã kết thành sức mạnh vô địch, tạo nên những kỳ tích của dân tộc Việt Nam. Đúng như Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Bài học sâu sắc, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đó là sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhân dân vừa là người làm nên những thắng lợi lịch sử, vừa là nguồn sức mạnh vô tận để Đảng tồn tại và phát triển... giữ gìn mối quan hệ máu thịt với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng luôn là nguyên tắc sinh tử. Sự ủng hộ, tin yêu của nhân dân chính là thước đo uy tín, nguồn sức mạnh và “bí quyết” thắng lợi của Đảng ta trong mọi giai đoạn cách mạng”²⁶.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQGST, H, 2011 tr. 65

7, 11, 22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1999, T. 5, tr. 26, 117, 25

8, 15. *Sđđ*, T. 47, tr. 363, 583

9, 19. *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, https://nhandan.vn/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-post941769.html?gidl=BSBLPDuYjbygrD9WtZs-KltNtcx0RBXVO8RTCSTikWunWeq_b6xh1Z7Ksc_0QRm4CONHF3J3s5K8toEvNm, ngày đăng 6-2-2026

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 21, tr. 780, 781

14. *Sđđ*, T. 37, tr. 919

17. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/dieu-le-dang/dieu-le-dang-do-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-x-cua-dang-thong-qua-3834>

18. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/dieu-le-dang/dieu-le-dang-do-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xi-cua-dang-thong-qua-3431>

20. Đến cuối năm 2025, cả nước đã sáp nhập, giảm 29 đơn vị hành chính cấp tỉnh, giảm 7.277 đơn vị hành chính cấp xã

21. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQGST, H, 2011, T. 8, tr. 280-281

23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1999, T. 3, tr. 104

24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 139

25. “Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng”, <https://nhandan.vn/bao-cao-tong-ket-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-cong-cuoc-doi-moi-theo-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-trong-40-nam-qua-o-viet-nam-post941733.html>, ngày đăng: 6-2-2026

26. Tổng Bí thư Tô Lâm: “Vững bước dưới cờ Đảng”, <https://nhandan.vn/special/vung-buoc-duoi-co-Dang/index.html>, ngày đăng: 2-2-2026.

1, 2, 10. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1998, T. 2, tr. 4, 100, 7

3, 12. *Sđđ*, T. 12, tr. 434-435, 445-446

4, 5, 16. *Sđđ*, T. 51, tr. 130, 130, 254